TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** ————————

Bản án số: 16/2020/HNGĐ- ST.
Ngày: 08/7/2020.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Thanh Hồng;

2. Ông Lường Văn Hịa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 08/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST – HNGĐ ngày 05/3/2020 về Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXX - ST ngày 11/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐ - HPT ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th – Sinh năm 1979."có mặt".

Địa chỉ: Thôn 9, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn N – Sinh năm 1977."vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn 9, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/3/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Nguyễn Thị Th (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Nam lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 14/8/2001. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát nhau, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không thể hàn gắn được. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01/10/2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nam.

2. Về con chung: Chị Thơm khai vợ chồng có 01 con chung là: Lê Công Chiêu, sinh ngày 26/01/2000. Hiện nay cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn Lê Văn N:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn Lê Văn N không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thơm xin ly hôn với anh Nam, anh Nam có hộ khẩu thường trú tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Thơm và anh Nam kết hôn năm 2001, đến năm 2020 thì chị Thơm khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thơm và anh Nam lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai người tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ tháng 10 năm 2019, từ đó cho đến nay hai người không đoàn tụ lần nào. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Thơm và anh Nam đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Thơm xác định tình cảm của mình đối với anh Nam không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Thơm vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, để

đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị Thơm khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thơm và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Văn N.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu: Lê Công Chiêu, sinh ngày 26/01/2000 và cháu đã trưởng thành, chị Thơm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thơm phải chịu 300.0000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Thơm đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003371 ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

Đối với bị đơn Lê Văn N không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228/BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn N.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Thơm là không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thơm phải chịu 300.0000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Thơm đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003371 ngày 05/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Thanh Hồng	Lường Văn Lương	Lường Văn Hịa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P L, HĐB;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương